TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 440/2023/DS-PT Ngày: 12/4/2023 V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đ T H

- *Các thẩm phán*: Bà P T T

Bà N T H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim C - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim T - kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 12 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 16/9/2020, của Tòa án nhân dân Quận H (Nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6242/2022/QĐPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 2030/2022/QĐ-PT ngày 26/12/2022; Quyết định tạm đình chỉ số: 12/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023; Quyết định tiến tục xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 106/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Bùi Thị Bích Th, sinh năm 1964. Địa chỉ: B159/52B X C, Phường S, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1965. Địa chỉ: 141/9C Tôn Đản, Phường 14, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th và bà T: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1973 (Hợp đồng ủy quyền ngày 06/4/2020, lập tại Văn phòng Công

chứng D, Thành phố Hồ Chí Minh và giấy ủy quyền ngày 06/4/2020 của Công ty Luật TNHH Q - có mặt ngày 6/4).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư: Trần Thị Kim H1 – Công ty Luật TNHH Q (có mặt ngày 6/4).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Mai Lâm Ph, sinh năm 1980. Địa chỉ: 505 đường N D T, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Lưu Quế H2, sinh năm 1983. Địa chỉ: 222K T H Đ, Phường E, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2.3 Bà Chu Gia Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: 505 đường N D T, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ph, bà H2, bà Q: Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1973, địa chỉ: B14/276 Ấp 2, Xã N, Huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Các Giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2020; ngày 21/4/2020; tại Văn phòng Công chứng M, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Lưu Quế H2: Bà Nguyễn Thị O, bà Lê Thị L2 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư C, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Bà L2 có mặt; bà O có mặt ngày 6/4).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Thăng L3, sinh năm 1963. Địa chỉ: 149/43A B V T, Phường S, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt ngày 06/4).

3.2 Bà Trần Bội A, sinh năm 1933 (đã chết 17/12/2021). Địa chỉ: 222K T H Đ, Phường E, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lưu Quế H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2018, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích Th, bà Mai Thị Kim T cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân M là người đại diện trình bày:

Bà Lâm Ái V là mẹ của bà Mai Lâm Ph, Lưu Quế H2 và Chu Gia Q. Bà Bùi Thị Bích Th là chị em dâu với bà V, còn bà Mai Thị Kim T biết bà V qua sự giới thiệu của bà Th. Từ năm 2010 đến năm 2012, bà Lâm Ái V có vay tiền bà Bùi Thị Bích Th và bà Mai Thị Kim T nhiều lần. Đến ngày 10/7/2012 các bên chốt lại toàn bộ số nợ gốc như sau: Bà V nợ bà Th 15.264.856.000 đồng *(Mười lăm tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng)*; 87.798 USD và 01 cây vàng SJC. Nợ bà T 12.405.147.000 đồng *(Mười hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng)*. Bà V tự viết và xác nhận số nợ cho bà Th và bà T tại *"Giấy mượn tiền"* ghi ngày 10/7/2012 và và ký tên. Giấy mượn tiền này không thể hiện lãi suất cho vay, có thể hiện bà V cam kết sẽ trả hết tiền cho bà Th, bà T vào cuối tháng 7/2012, nhưng không trả. Thời gian kéo dài đến tháng 02/2013 thì bà V bị tai biến và chết. Sau đó bà Th, bà T đến nhà

bà V nhiều lần để yêu cầu thanh toán số nợ nói trên nhưng các con bà V không đồng ý, vì căn nhà thuộc sở hữu của bà V ở số 505 N D T, phường B, Quận H đang thế chấp tại Ngân hàng P (sau đổi tên Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT) nên chưa bán được.

Nay bà T và bà Th yêu cầu những người thừa kế của bà V là bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q và bà Trần Bội A (Mẹ của bà V đã chết 17/12/2021) trả lại số tiền gốc mà bà V đã vay của bà T và bà Th, cụ thể: Bà Bùi Thị Bích Th yêu cầu những người thừa kế của bà Lâm Ái V trả lại cho bà Th số tiền 15.264.856.000 đồng; 87.798 USD tương đương 2.033.840.670 đồng; 01 (Một) lượng vàng SJC tương đương 36.350.000 đồng (giá quy đổi USD và vàng đồng ý theo như bản án sơ thẩm). Tổng cộng 17.335.046.670 đồng. Bà Mai Thị Kim T yêu cầu những người thừa kế của bà Lâm Ái V trả lại cho bà T số tiền 12.405.147.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu L1 là người đại diện trình bày:

Bên bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không công nhận chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 10/7/2012, vì không thể hiện bà V có vay tiền tại thời điểm viết giấy hay không, số nợ gốc là bao nhiêu, lãi suất là bao nhiêu. Giấy vay tiền có nội dung:*"Số nợ trên tính đến tháng 7/2012"* cho thấy đây không phải là giấy vay tiền mà là một dạng tổng hợp bao gồm các bản chất khác nhau của nợ, loại nợ nào, bao nhiêu tiền gốc, vay từ năm nào, bao nhiêu lãi từ năm nào, lãi suất là bao nhiêu. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ là các khoản gốc cho vay từ năm 2010 cho đến ngày kết nợ gốc và lãi theo giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2012. Bà Ph, bà H2 và bà Q không tham gia vào giao dịch vay mượn tiền với bà Th, bà T, yêu cầu Tòa án và nguyên đơn cung cấp chứng cứ cho rằng bà H2, bà Ph, bà Q đã nhận di sản để trở thành bị đơn, các đồng thừa kế của bà Lâm Ái V chưa nhận di sản nên không là bị đơn trong vụ án này. Phía bị đơn vẫn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để đình chỉ việc giải quyết vụ án. Bà V chết ngày 12/2/2013 đến ngày 19/9/2018, phía nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự (Sau đây viết tắt BLDS) 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 184, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS); Khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Bội A tại Tòa cấp sơ thẩm có bà Lưu Quế H2 là người giám hộ đã trình bày, đến ngày 17/12/2021 bà A mất.

Ông Nguyễn Thăng L3 có bản tự khai trình bày: Ông là chồng của bà Bùi Thị Bích Th. Số tiền bà Th cho bà V vay là tài sản riêng của bà Th, ông thống nhất với yêu cầu của bà Th.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng (tóm tắt): Khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39...của BLTTDS. Các Điều 636, 637 của Bộ luật dân sự 2005. Các Điều 157, Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q và bà Trần Bội A có bà Lưu Quế H2 là người giám hộ phải liên đới thanh toán ngay cho bà Bùi Thị Bích Th 15.264.856.000 đồng *(Mười lăm tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng)*; 87.798 USD tương đương *2.041.303.500 đồng* và 01 cây vàng SJC tương đương *56.700.000*. Tổng cộng: 17.362.859.500 *(Mười bảy tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm)* đồng. Thanh toán trong phạm vi di sản của bà Lâm Ái V.

2. Buộc bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q và bà Trần Bội A có bà Lưu Quế H2 là người giám hộ phải liên đới thanh toán cho bà Mai Thị Kim T 12.405.147.000 đồng *(Mười hai tỷ bốn trăm lẻ năm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)*. Thanh toán trong phạm vi di sản của bà Lâm Ái V.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các đồng thừa kế của bà Lâm Ái V thanh toán nợ lãi.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về mức lãi xuất phải chịu tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền chậm Thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ Thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/9/2020, bị đơn bà Lưu Quế H2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020, của Tòa án nhân dân Quận H (nay Tòa án nhân dân Thành phố T) và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm áp dụng sai pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp không đúng. Không tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ; việc xem xét, đánh giá chứng cứ chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Do yêu cầu khởi kiện đã hết thời hiệu. Với những căn cứ chính sau:

- Đòi lại tài sản không đúng quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Nguyên đơn không có chứng cứ giao nhận tiền từ năm 2010 đến 2012 với bà Lâm Ái V. Bị đơn không phải là người giao dịch với nguyên đơn và không chiếm giữ tài sản của nguyên đơn nên không phải là chủ thể tham gia vay mượn tài sản, nên nguyên đơn không thể khởi kiện đòi tài sản bị đơn được. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại: Theo quy định tại Điều 614 Bộ luật dân sự 2015, bà V mẹ bị đơn chết ngày 12/2/2013. Căn cứ khoản 3 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015, thời hiệu yêu cầu người kế thừa thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là 03 năm từ 12/2/2013 đến 13/02/2016. Nhưng đến ngày 20/9/2018, nguyên đơn mới khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) thụ lý vụ án ngày 24/9/2018, đã quá thời hiệu 02 năm

07 tháng từ thời điểm mở thừa kế. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự về thời điểm yêu cầu áp dụng thời hiệu, ngày 09/9/2020 bị đơn đã yêu cầu áp dụng thời hiệu mà thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc trường hợp Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Lưu Quế H2 không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn cung cấp Bản án dân sự phúc thẩm (bản photo) số: 1034/2020/DS-PT ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã giải quyết vụ kiện: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa: Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT và bị đơn bà Lâm Ái V (Đã chết ngày 12/2/2013). Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn: Bà Trần Bội A – bị mất năng lực hành vi dân sự có người giám hộ là Bà Lưu Quế H2. Bà Mai Lâm Ph, bà Chu Gia Q, bà Lưu Quế H2 và Bản án đã buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 154/11/10 ngày 04/11/2010 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày bà V chết, tổng số tiền 53.901.733.600đ ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp không thi hành trách nhiệm dân sự của Bản án này, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT được quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số114/HĐTC/KD10 ngày 04/11/2010 theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp phát biểu với các ý kiến chính sau: Luật sư Nguyễn Thị O: Bị đơn vẫn giữ nguyên như đơn kháng cáo. Đề nghị xem xét động cơ mục đích của chứng cứ giả mạo là Thông báo nộp tiền tạm ứng án án phí số 207/DS/2014/TB-TA của Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) có dấu hiệu bị sửa năm 2014 thành năm 2016 bên góc phải do đại diện ủy quyền nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa ngày 29/4/2021 và khẳng định khởi kiện năm 2014, do đó phiên tòa trước phải dừng để gửi Công văn làm rõ và Tòa án Thành phố T có văn bản trả lời vụ án mà nguyên đơn khởi kiện lần thứ nhất không có thông báo thụ lý năm 2016. Tại phiên tòa ngày 30/12/2021, Luật sư của bị đơn yêu cầu làm rõ ai là người sửa chữa chứng cứ gây hậu quả trên và phiên tòa đã bị dừng theo đề nghị của Kiểm sát viên. Hành vi này của nguyên đơn đã cản trở hoạt động xét xử của Tòa án, gây hậu quả Hội đồng xét xử phải dừng phiên tòa là có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự tại Điều 340 Bộ luật hình sự. Đề nghị tạm đình chỉ vụ án chuyển Cơ quan Điều tra làm rõ chứng cứ này. Không thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà V. Bản án sơ thẩm mâu thuẫn về nội dung và căn cứ pháp lý; mâu thuẫn về thời hiệu. Không đồng ý chưa đóng tạm ứng án phí được khởi kiện lại. Khoản nợ và giấy mượn tiền ngày 10/7/2012, bà H2 không thừa nhận tại biên bản đối chất. Quá trình Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) thụ lý bị đơn đã nhiều lần làm đơn đề nghị đình chỉ. Do đó đề nghị cấp phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Luật sư Lê Thị Liễu: Bà V chết 2013 không để lại di chúc. Năm 2018 Tòa án Quận H thụ lý đơn của nguyên đơn đòi khoản vay theo giấy ngày 10/7/2012. Bản án sơ thẩm xác định hai quan hệ tranh chấp và vận dụng điều luật về việc đòi tài sản, nhưng quyết định của bản án không có. Quan hệ đòi lại tài sản không đúng Điều 332 Bộ luật dân sự 2015, do bị đơn không có việc vay tiền nên xác định sai không có căn cứ. Quan hệ thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại theo Điều 636, 637 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 đều ghi rõ thời hiệu yêu cầu là 03 năm kể từ thời điểm mở thừa kế là ngày bà V chết 12/3/2013. Năm 2014 bà Th khởi kiện nhưng không đóng tiền tạm ứng án phí ngày 19/9/2018 mới thụ lý nên thời hạn khởi kiện đã hết. Giấy mượn tiền chỉ ngày 10/7/2012 tại Tòa án Quận H là giấy photo không có bản chính. Bị đơn không thừa nhận số nợ, không có những lần vay nợ khác. Tòa án nhân dân Quận H áp dụng Điều 157 Bộ luật dân sự khi bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ thiếu bao nhiêu mới xác định. Lời khai ông L3 không trung thực. Không thừa nhận mối quan hệ quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà V. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày bổ sung: Tòa sơ thẩm xác định hai mối quan hệ pháp luật là không đúng. Đòi tài sản là đòi người đang chiếm hữu sử dụng tài sản, bị đơn không có mối liên hệ giao dịch với nguyên đơn nên không phải là bị đơn, đề nghị hủy quan hệ này. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đã hết thời hiệu phải đình chỉ. Tại phiên tòa hôm nay ông Long xác định ông có biết việc vay mượn tiền giữa bà V và bà Th và bà T nhưng không biết cụ thể. Bà V chết từ năm 2013 đến 2018 mới khởi kiện đã hết thời hiệu, đề nghị hủy bản án sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Lưu Quế H2 trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của Luật sư và người đại diện theo ủy quyền, không bổ sung.

Nguyên đơn có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp có ý kiến:

Không đồng ý toàn bộ ý kiến của bên bị đơn. Về thời hiệu khởi kiện vẫn còn, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý vụ án theo quan hệ tranh chấp là hoàn toàn đúng yêu cầu của nguyên đơn: Đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện chưa đóng tạm ứng án phí nên chưa được thụ lý. Thời hạn khởi kiện theo Điều 157 và 623 Bộ luật dân sự 2015, Mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017, thuộc trường hợp vụ án được thụ lý lại. Bị đơn tự thừa nhận nợ năm 2020 nên vẫn còn thời hiệu. Về nội dung: Giấy mượn tiền ngày 10/7/2012 là giấy nợ cuối cùng đã tổng hợp chốt nợ do bà V viết và thừa nhận, nên nguyên đơn không cần chứng minh các giấy nợ khác. Bà V cam kết trả nhưng đã chết nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ của bà V. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh L4: Đồng ý quan điểm của Luật sư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện bị đơn khiếu nại, tố cáo chứng cứ nguyên đơn cung cấp giả mạo đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết trả lời. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thay đổi Thẩm phán xét xử làm đương sự khiếu nại kéo dài cần khắc phục các vụ án khác.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn và "Giấy mượn tiền" ghi ngày 10/7/2012, có nội dung bà Lâm Ái V xác nhận có vay của bà Mai Thị Kim T số tiền 12.405.147.000 đồng, vay của bà Bùi Thị Bích Th số tiền 15.264.856.000 đồng, 87.798USD và 01 cây vàng SJC. Số nợ tính đến tháng 7/2012 và bà V cam kết cuối tháng 7/2012 sẽ thanh toán số nợ trên. Bà V chết ngày 12/02/2013, không để lại di chúc. Căn cứ Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005, những người thừa kế theo pháp luật của bà V gồm bà Trần Bội A, bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại nên quan hệ tranh chấp được xác định là thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 155 BLDS năm 2015 xác định đây là trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện là không đúng. Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại được quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005, thì thời hiệu khởi kiện là ba năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Bà Lâm Ái V chết ngày 12/02/2013 nhưng đến ngày 19/9/2018, nguyên đơn mới khởi kiện là quá thời hạn 03 năm, hết thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn cung cấp chứng cứ ngày 22/5/2020 của bà Lưu Quế H2 thuộc trường hợp khôi phục lại thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng. Vì bà H2 chỉ thừa nhận việc bà V khi còn sống có cho gia đình biết việc bà V trả nợ nhiều lần và cũng đã trả gần hết nợ cho bà Th bà T chứ bản thân không thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn nên không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bà Th cũng thừa nhận chưa đóng tạm ứng án phí năm 2014 theo thông báo của Tòa án Quận H năm 2014, do khó khăn tài chính. Do đó không có căn cứ để xác định bà Th đã được tòa án thụ lý vụ án từ năm 2014, để tính lại thời hiệu khởi kiện vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Do thời hiệu khởi

kiện đã hết và bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Quế H2. Hủy Bản án sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân Thành phố T và đình chỉ giải quyết vụ án. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lưu Quế H2 làm đúng hình thức và trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và các căn cứ của bị đơn bà Lưu Quế H2 và quan điểm Luật sư; đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại phiên tòa nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo về tố tụng:

Về việc xác định quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Tòa sơ xác định quan hệ tranh chấp ‘‘Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại’’ theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có có cơ sở. Vì quan hệ tranh chấp xác định theo đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quyền khởi kiện vụ án; phạm vi khởi kiện và các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều khoản của Bộ luật tố tụng dân sự là các Điều 5, Điều 168, 188. Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xác định bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện …do Bộ luật tố tụng dân sự quy định để yêu cầu Tòa án giai quyết vụ án dân sự …, không phụ thuộc vào việc bị đơn không phải là người giao dịch với nguyên đơn và không chiếm giữ tài sản của nguyên đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Tòa sơ thẩm nhận định nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự, tại thời điểm thụ lý năm 2018 căn cứ điểm b khoản 3 Điều 23 NQ 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3/12/2012; Khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 ‘‘yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu’’ quy định thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện là có cơ sở. Vì cũng phù hợp với các các Điều khác của Bộ luật dân sự 2015 quy định về tài sản là tiền...và quyền tài sản; Điều 164: Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu...có quyền yêu cầu Tòa án buộc người có hành vi xâm phạm quyền trả lại tài sản. Đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại: Thời hiệu yêu cầu người kế thừa – bị đơn thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm kể từ

thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2005; Điều 623 Bộ luật dân sự 2015. Theo "Giấy mượn tiền" ghi ngày 10/7/2012, có nội dung bà Lâm Ái V xác nhận có vay của bà Mai Thị Kim T số tiền 12.405.147.000 đồng, vay của bà Bùi Thị Bích Th số tiền 15.264.856.000 đồng, 87.798USD và 01 cây vàng SJC. Số nợ tính đến tháng 7/2012 và bà V cam kết cuối tháng 7/2012 sẽ thanh toán số nợ trên. Bà V chết ngày 12/02/2013, không để lại di chúc. Căn cứ Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005: Bà Trần Bội A, bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q là những người thừa kế theo pháp luật của bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại nên quan hệ tranh chấp được xác định là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại. Nguyên đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 (Bút lục 42) hơn hai năm 07 tháng kể từ thời điểm mở thừa kế (Ngày bà V chết) là hết thời hiệu theo quy định 645 Bộ luật dân sự 2005, Điều 623 Bộ luật dân sự 2015. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào "Đơn cung cấp chứng cứ'' ngày 22/5/2020 (Bút lục 240) của chính bị đơn bà Lưu Quế H2 nộp, để nhận định bà H2 đã thừa nhận phía bị đơn có biết về giao dịch vay mượn tiền giữa bà V với bà Th, bà T và cũng biết bà V đã trả nợ gần hết…khoản vay mượn nợ giữa các bên là có thật. Bà H2 cung cấp các tài liệu để chứng minh việc trả nợ…nên đã căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự 2015, xác định lại thời hiệu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại được bắt đầu lại từ ngày 23/5/2020 là chưa đầy đủ chứng cứ. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bên bị đơn cho rằng tại phiên đối chất ngày 21/5/2020 (trước ngày bị đơn bà H2 làm Đơn cung cấp chứng cứ) bà H2 đã không xác nhận khoản nợ tại giấy mượn tiền 10/7/2012.

[2.2] Đối với kháng cáo liên quan nội dung của Bản án sơ thẩm: Theo nội dung "Giấy mượn tiền" ghi ngày 10/7/2012 nêu trên, bên bị đơn không thừa nhận bà V có nợ tiền của nguyên đơn theo giấy mượn tiền này nhưng không xác định chữ ký, chữ viết trong giấy này có phải của bà V hay không và không yêu cầu giám định (BL 321). Tuy nhiên chính trình bày của bị đơn lại thừa nhận giấy vay tiền này là một dạng tổng hợp bao gồm các bản chất khác nhau của nợ…phù hợp với chứng cứ do chính bị đơn cung cấp là "Đơn cung cấp chứng cứ ngày 22/5/2020" thừa nhận lúc còn sống bà V đã cho gia đình bị đơn biết trả nợ nhiều lần và trả gần hết nợ cho bà Th, bà T và cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận nợ của ông Ngô T H xác nhận theo yêu cầu của bị đơn bà Lưu Quế H2, bà V nhờ đứng tên dùm thửa đất 421 đã được Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2002, cho ông Hùng, bà Trịnh Thanh Thủy đã chuyển nhượng cho bà Ngô Minh T – mẹ bà Th vào ngày 26 - 30 tháng 7/2012 giá 03 tỷ là phù hợp với giấy mượn tiền ngày 10/7/2012 bà V cam kết cuối tháng 7 năm 2012 sẽ thanh toán số nợ cho nguyên đơn. Tòa sơ thẩm xác định bà V là người trực tiếp vay mượn tiền của nguyên đơn theo giấy mượn tiền trên là có cơ sở. Việc Tòa sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự 2015 quy

định: “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” và xác định người kế thừa của bà Lâm Ái V: Bà Mai Lâm Ph, Lưu Quế H2; Chu Gia Q, mẹ bà V bà Trần Bội A và di sản của bà V để lại chưa khai nhận gồm: Thửa đất 842 tờ bản đồ số 01 diện tích 200m^2, do bà V đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/6/1998. Nhà đất số 503A N D T ấp Đông, phường B, Quận H do bà V đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở Ủy nhan nhân dân Quận H cấp ngày 12/11/2003. Nhà đất số 502/2 N D T ấp Đông, phường B, Quận H (nay Thành phố T) do bà V đứng tên tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở Ủy nhân dân Quận H cấp ngày 8/12/2003. Các tài sản đã thế chấp năm 2010 tại Ngân hàng Thương mại TT (Thương mại cổ phần P – Chi nhánh MP trước đây) để đảm bảo cho khoản vay 31 tỷ của bà V. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết đã biết các di sản nêu trên của bà V chưa khai nhận và đã bị thế chấp cho Ngân hàng TT để đảm bảo cho khoản nợ của bà V.

[2.3] Theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 1034/2020/DS-PT ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì di sản trên là tài sản bà V thế chấp đảm bảo thanh toán số tiền hơn 53.901.733.000đ cho Ngân hàng TT. Ngoài ra, theo thông tin của bên bị đơn đã có 07 Bản án và 07 Quyết định thi hành án phí khác có hiệu lực pháp luật buộc bà V trả tiền đến nay chưa thi hành. Nhưng Bản án sơ thẩm nhận định không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và áp dụng Điều 637 Bộ luật dân sự 2005 buộc bị đơn và người liên quan bà Trần Bội A phải liên đới toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn bà Th 17.362.859.500đ; bà T 12.405.147.000đ, sau khi trả nợ cho Ngân hàng và trong phạm vi di sản của bà V là mâu thuẫn và không đúng quy định tại Điều 637 BLDS 2005, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015: ‘‘Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại’’ . Bị đơn chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản bà V để lại cho mỗi người thừa kế được hưởng bao nhiêu...không vượt quá phần đã nhận. Di sản của bà V đã bị thế chấp và với những khoản nợ chưa được Tòa sơ thẩm làm rõ sau khi thực hiện thứ tự ưu tiên thanh toán theo Điều 683 Bộ luật dân sự 2005 thì có còn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn hay không? mà buộc bị đơn bà người liên quan bà Trần Bội A liên đới thanh toán ngay cho nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật.

[2.4] Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn có các vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tố tụng và thu thập đánh giá chứng cứ: Chưa làm rõ phần tài sản của bà V được hưởng để thực hiện nghĩa vụ của căn nhà số 222K T H Đ, phường E, Quận , là nhà cha mẹ bà V ông Lâm H - chết 2006 và bà Trần Bội A. Tài sản này đã kê khai di sản và ngày 15/3/2010 Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà Bội Anh, bà V và bà Lâm A H (bà A H chết trước bà V – ý kiến bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm 6/4/2023) có con là ông Nguyễn Trí C cần phải đưa tham gia tố tụng. Không đưa Ngân hàng TT (trước đây là Ngân hàng P) tham gia tố tụng với tư cách là người, có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng. Vì Bản án sơ thẩm buộc bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ trong phạm vi di sản nhà đất của bà V đang thế chấp tại Ngân hàng TT, nhưng di sản này để đảm bảo thanh toán tiền nợ nhiều hơn số nợ của nguyên đơn thì việc quyết định như vậy đã ảnh hưởng đến quyền lợi của

Ngân hàng và không thể thi hành Bản án được. Bà Trần Bội A – là người kế thừa bà V, Bản án sơ thẩm quyết định liên đới cùng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn, nhưng ngày 17/12/2021 đã chết (giai đoạn thụ lý phúc thẩm) nên nghĩa vụ liên đới của bà A không còn. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà A cần được xác định để tham gia tố tụng trong vụ án xem xét có phải thực hiện nghĩa vụ liên đới với bị đơn hay không. Chưa làm rõ bà V có trả nợ một phần cho nguyên đơn như ý kiến của ông Ngô T H tại (giấy xác nhận - BL 239) người được bà V nhờ đứng tên thửa đất 421 tại phường LT, Quận C (nay là Thành phố T), vào ngày 26, 30 tháng 7 năm 2012 đã chuyển nhượng (BL 235 -238) cho bà Ngô T M T (mẹ ruột nguyên đơn bà Th) giá 03 tỷ hiện nay thửa đất này đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tâm (BL 232), phù hợp với chứng cứ (giấy mượn tiền ngày 10/12/2012 bà V cam kết cuối tháng 7/2012 trả nợ cho nguyên đơn – BL 243); nếu đúng thì phải khấu trừ với số tiền bà V nợ bà Th nguyên đơn và như vậy thì bà Ngô T M T cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cần đưa vào tham gia tố tụng.

[2.5] Vì có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và việc thu thập đánh giá chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thực hiện bổ sung được. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Trong đó cũng cần lưu ý thu thập thêm các chứng cứ làm rõ việc xác định bắt đầu lại thời hiệu đối với quan hệ tranh chấp "*Yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại"*. Cần yêu cầu nguyên đơn bà T, bà Th; bị đơn chứng minh thêm từ các chứng cứ khác là ông Ngô T H, ông Nguyễn Xuân Nam (có quan hệ với bà V trước đây) …vvv…đã chứng kiến trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc các chứng cứ khác, để chứng minh bên có nghĩa vụ hiện nay là những người kế thừa của bà V đã từng thừa nhận hứa hẹn sẽ trả nợ khoản nợ của bà V cho nguyên đơn hay không. Việc thương lượng hòa giải trước đó giữa các bên như thế nào. Để xem xét đánh giá toàn diện khách quan chứng cứ (đơn cung cấp chứng cứ ngày 22/5/2020) của bà Lưu Quế H2 có thuộc trường hợp bị đơn là bên có nghĩa vụ bà Mai Lâm Ph, bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện bà T, bà Th để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện hay không. Những vấn đề này cần được làm rõ khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.6] Đối với quan điểm của các Luật sư: Bên bị đơn: Đề nghị xem xét chứng cứ giả mạo do đại diện nguyên đơn nộp về Thông báo nộp tiền tạm ứng có dấu hiệu bị sửa năm 2014 thành năm 2016, đã cản trở hoạt động xét xử của Tòa án, gây hậu quả phải dừng phiên tòa là có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự tại Điều 340 Bộ luật hình sự; giấy mượn tiền ngày 10/7/2012 là giấy photo. Bên nguyên đơn: Đã nộp đơn khởi kiện năm 2014 nhưng do khó khăn chưa đóng tạm ứng án phí nên chưa được thụ lý, thuộc trường hợp được khởi kiện thụ lý lại theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017. Các ý kiến này Hội đồng xét xử không chấp nhận, vì bên bị đơn đã có nhiều đơn khiếu nại, tố cáo về nội dung này và đã được lãnh đạo Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trả lời tại văn bản số: 317/TA-TDS ngày 08/6/2022. Việc dừng phiên tòa nhiều lần là do nhiều nguyên nhân đã thể

hiện tại hồ sơ, nhưng cũng có nguyên nhân do bị đơn khiếu nại nhiều lần. Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nêu trên không phải chứng cứ được xem xét chấp nhận trong vụ kiện. Giấy mượn tiền ngày 10/7/2012 là giấy photo nhưng đã được Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân Thành phố T) ghi nhận đã đối chiếu bản chính (BL 243). Việc nguyên đơn nộp đơn khởi kiện năm 2014 chưa được Tòa án thụ lý, năm 2018 nộp lại không thuộc trường hợp được thụ lý lại theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017.

[2.7] Từ việc phân tích đánh giá và viện dẫn pháp luật nêu trên cho thấy: Mặc dù có nhiều chứng cứ mới, nhưng cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập đánh giá chứng cứ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; một phần quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Thành phố T để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bị đơn bà Lưu Quế H2 kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0027940 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H – nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có): Được xác định khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Lưu Quế H2.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận H (nay là Tòa án nhân dân Thành phố T) xét xử vụ án về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại",* giữa: Các đương sự: Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích Th; bà Mai Thị Kim T và bị đơn: Bà Mai Lâm Ph; bà Lưu Quế H2, bà Chu Gia Q.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0027940 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H – nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có): Được xác định khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. /.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N T H P T T Đ T H

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA